



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty và Tập đoàn trong năm và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị	Ông Trần Đình Long	Chủ tịch
	Ông Trần Tuấn Dương	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Phó Chủ tịch
	Ông Doãn Gia Cường	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Ngọc Quang	Thành viên
	Ông Tạ Tuấn Quang	Thành viên
	Ông Hoàng Quang Việt	Thành viên
	Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên
	Ông Hans Christian Jacobsen	Thành viên
Ông Andy Ho	Thành viên (đến ngày 12/8/2015)	
Ban Giám đốc	Ông Trần Tuấn Dương	Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Thảo Nguyễn	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc

Thông tin về Công ty

Công ty có tiền thân là Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 26 tháng 10 năm 2001. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 8 số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 9 tháng 1 năm 2007, Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh mới nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0900189284 ngày 3 tháng 7 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Khu Công nghiệp Phố Nối A, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Các công ty con và công ty liên kết của Công ty được trình bày tại Thuyết minh 1.4 cho báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh và cổ tức

Lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về các cổ đông của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 3.485.463 triệu VND (2014: 3.144.253 triệu VND).

Ngày 13 tháng 4 năm 2015, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua: (i) phương án chi tiết trả cổ tức năm 2014 cho các cổ đông bằng tiền theo tỷ lệ 10% trên mệnh giá với số tiền 488.625 triệu VND và 20% bằng cổ phiếu tương đương với 977.231 triệu VND và (ii) phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ thặng dư vốn cổ phần cho các cổ đông theo tỷ lệ 30% bằng cổ phiếu tương đương với 1.465.851 triệu VND. Phương án trả cổ tức và phát hành cổ phiếu này đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt vào ngày 31 tháng 3 năm 2015 và đã được thực hiện trong năm.

Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán của Công ty và Tập đoàn là Công ty TNHH KPMG.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết với Hội đồng Quản trị và các cổ đông của Công ty rằng Tập đoàn đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Đại diện và đại diện Ban Giám đốc



Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2016



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,
Me Tri, Tu Liem, Hanoi city
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 16 tháng 3 năm 2016, được trình bày từ trang 6 đến trang 76.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 13-02-034-2015-a



Đạm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2016



Lê Việt Hùng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0296-2013-007-1

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		11.915.177.133.485	11.745.859.365.753
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	2.372.761.840.865	2.026.280.467.705
Tiền	111		349.396.206.420	491.949.294.021
Các khoản tương đương tiền	112		2.023.365.634.445	1.534.331.173.684
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		758.094.875.121	506.641.791.271
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7.1	758.094.875.121	506.641.791.271
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.608.216.522.801	1.723.031.959.315
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		1.210.987.095.176	1.247.341.501.375
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		390.265.827.195	457.068.881.547
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	47.234.353.011	58.735.140.556
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(41.276.739.619)	(40.801.876.327)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.005.987.038	688.312.164
Hàng tồn kho	140	9	6.937.441.787.064	7.386.389.048.165
Hàng tồn kho	141		7.208.055.393.649	7.601.110.304.518
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(270.613.606.585)	(214.721.256.353)
Tài sản ngắn hạn khác	150		238.662.107.634	103.516.099.297
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		18.548.607.805	10.020.994.351
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		212.136.927.444	80.592.280.678
Thuế và các khoản khác phải thu				
Ngân sách Nhà nước	153	17.1	7.976.572.385	12.902.824.268

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		13.591.592.052.060	10.343.245.032.050
Các khoản phải thu dài hạn	210		16.485.258.954	9.225.561.499
Phải thu về cho vay dài hạn	215		5.000.000.000	-
Phải thu dài hạn khác	216		11.485.258.954	9.225.561.499
Tài sản cố định	220		8.211.430.447.399	8.728.652.459.845
Tài sản cố định hữu hình	221	10	8.047.470.109.033	8.548.486.917.773
<i>Nguyên giá</i>	222		13.055.040.780.097	12.431.106.424.851
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(5.007.570.671.064)	(3.882.619.507.078)
Tài sản cố định vô hình	227	11	163.960.338.366	180.165.542.072
<i>Nguyên giá</i>	228		193.249.079.259	210.636.148.429
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(29.288.740.893)	(30.470.606.357)
Bất động sản đầu tư	230	12	192.494.292.820	197.343.763.931
<i>Nguyên giá</i>	231		236.450.059.552	232.446.624.627
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(43.955.766.732)	(35.102.860.696)
Tài sản dở dang dài hạn	240		4.342.159.437.952	429.472.156.988
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		2.970.929.067	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	4.339.188.508.885	429.472.156.988
Đầu tư tài chính dài hạn	250		102.545.479.270	61.184.828.523
Đầu tư vào công ty liên kết	252	7.2	3.806.335.925	3.997.137.449
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	7.2	15.702.128.365	15.702.128.365
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	7.1	83.037.014.980	41.485.562.709
Tài sản dài hạn khác	260		726.477.135.665	917.366.261.264
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	551.682.828.680	483.218.729.903
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	83.703.031.782	52.065.448.874
Lợi thế thương mại	269	16	91.091.275.203	382.082.082.487
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		25.506.769.185.545	22.089.104.397.803

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		11.040.058.800.235	10.123.764.654.194
Nợ ngắn hạn	310		9.992.832.755.685	8.966.332.083.327
Phải trả người bán ngắn hạn	311		2.638.687.908.117	1.927.830.990.815
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		50.112.574.555	158.911.796.301
Thuế và các khoản phải nộp				
Ngân sách Nhà nước	313	17.2	398.530.099.807	463.700.814.724
Phải trả người lao động	314		212.634.466.249	158.701.054.509
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18.1	106.756.384.950	152.564.898.596
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	14.311.517.049	31.661.469.226
Phải trả ngắn hạn khác	319	20.1	95.876.723.487	104.236.479.283
Vay ngắn hạn	320	21.1	6.116.817.325.257	5.736.983.436.809
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	22	9.745.648.320	17.171.173.699
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	349.360.107.894	214.569.969.365
Nợ dài hạn	330		1.047.226.044.550	1.157.432.570.867
Chi phí phải trả dài hạn	333	18.2	181.520.840.109	50.447.538.919
Phải trả dài hạn khác	337	20.2	110.185.097.424	96.068.705.964
Vay dài hạn	338	21.2	739.000.000.000	1.010.863.752.151
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		157.445.445	52.573.833
Dự phòng phải trả dài hạn	342	22	16.362.661.572	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		14.466.710.385.310	11.965.339.743.609
Vốn chủ sở hữu	410	24	14.466.710.385.310	11.965.339.743.609
Vốn cổ phần	411	25	7.329.514.190.000	4.819.081.750.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		7.329.514.190.000	4.819.081.750.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	24	674.149.437.068	2.207.350.817.068
Cổ phiếu quỹ	415	24	(638.500.000)	-
Quỹ đầu tư phát triển	418	24, 28	891.436.091.839	674.783.632.921
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	24	5.549.332.356.102	4.094.767.826.367
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		2.455.676.950.702	1.300.425.812.549
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		3.093.655.405.400	2.794.342.013.818
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		22.916.810.301	169.355.717.253
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		25.506.769.185.545	22.089.104.397.803

Ngày 16 tháng 3 năm 2016

Người lập:

Đinh Phương Loan

Đinh Phương Loan
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Lý Thị Ngân

Lý Thị Ngân
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND Đã phân loại lại
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	27.864.558.436.964	25.825.123.626.163
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	30	411.626.322.631	299.774.803.450
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	30	27.452.932.114.333	25.525.348.822.713
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	31	21.858.956.167.813	20.338.346.539.679
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		5.593.975.946.520	5.187.002.283.034
Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	248.607.642.113	160.287.779.327
Chi phí tài chính	22	33	566.233.897.606	563.834.231.079
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>251.337.896.345</i>	<i>350.628.944.467</i>
Phần lỗ trong công ty liên kết	24		(190.801.524)	(171.255.307)
Chi phí bán hàng	25	34	424.150.105.358	366.087.885.891
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	35	760.822.612.994	607.214.249.307
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		4.091.186.171.151	3.809.982.440.777
Thu nhập khác	31	36	314.546.263.699	257.727.314.747
Chi phí khác	32	37	415.903.770.054	298.189.027.092
Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(101.357.506.355)	(40.461.712.345)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3.989.828.664.796	3.769.520.728.432
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	39	516.978.888.313	517.116.335.811
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	39	(31.532.711.296)	2.189.802.417
Lợi nhuận sau thuế TNDN (mang sang trang sau) (60 = 50 - 51 - 52)	60		3.504.382.487.779	3.250.214.590.204

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND Đã phân loại lại
Lợi nhuận sau thuế TNDN (mang từ trang trước sang) (60 = 50 - 51 - 52)	60		3.504.382.487.779	3.250.214.590.204
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		3.485.462.964.249	3.144.252.845.971
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		18.919.523.530	105.961.744.233
				Đã điều chỉnh lại
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	40	4.517	4.290

Ngày 16 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Đinh Phương Loan
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lý Thị Ngân
 Kế toán trưởng



Trần Luân Dương
 Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã Thuyết số minh	2015 VND	2014 VND Đã phân loại lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	3.989.828.664.796	3.769.520.728.432
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	1.281.591.263.404	1.109.518.432.670
Phân bổ lợi thế thương mại	02	290.990.807.284	244.886.781.601
Các khoản dự phòng	03	65.304.349.717	209.663.586.663
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	13.166.497.767	82.549.401.774
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(81.208.667.361)	(23.625.391.281)
Chi phí lãi vay	06	251.337.896.345	350.628.944.467
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	5.811.010.811.952	5.743.142.484.326
Biến động các khoản phải thu	09	(17.333.301.250)	(39.335.171.949)
Biến động hàng tồn kho	10	390.083.981.802	235.303.034.097
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(849.876.282.431)	(2.199.063.441.613)
Biến động chi phí trả trước	12	66.692.373.461	(28.905.066.932)
		5.400.577.583.534	3.711.141.837.929
Tiền lãi vay đã trả	14	(284.307.633.410)	(325.690.062.547)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(447.842.572.341)	(575.207.645.980)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	33.084.042.052
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(125.477.836.812)	(81.054.853.105)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	4.542.949.540.971	2.762.273.318.349

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã Thuyết số minh	2015 VND	2014 VND Đã phân loại lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(3.386.572.345.633)	(1.165.028.194.450)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	32.360.460.543	21.687.699.513
Tiền chi mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(298.004.536.121)	(158.593.682.578)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	1.500.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	119.070.843.886	107.306.447.497
Mua thêm cổ phần của công ty con từ cổ đông thiểu số của công ty con này		(230.628.789.000)	-
Mua công ty con (đã trừ đi số dư tiền của công ty con được mua)		-	(56.955.592.861)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.763.774.366.325)	(1.250.083.322.879)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền nhận góp vốn từ cổ đông thiểu số	31	58.500.000	475.000.000
Tiền thu từ đi vay	33	22.541.238.710.236	21.167.443.398.643
Tiền trả nợ gốc vay	34	(22.433.385.840.450)	(22.097.815.712.253)
Tiền trả cổ tức	36	(540.720.414.633)	(681.451.419.825)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(432.809.044.847)	(1.611.348.733.435)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND Đã phân loại lại
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		346.366.129.799	(99.158.737.965)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	6	2.026.280.467.705	2.125.322.390.697
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		115.243.361	116.814.973
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	6	2.372.761.840.865	2.026.280.467.705

Ngày 16 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Đinh Phương Loan
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lý Thị Ngan
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

1.2 Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tập đoàn là:

- Cho thuê văn phòng;
- Đầu tư tài chính;
- Đầu tư và xây dựng đồng bộ hạ tầng, kỹ thuật khu công nghiệp và khu đô thị;
- Sản xuất hàng nội thất phục vụ văn phòng, gia đình và trường học;
- Sản xuất và chế biến gỗ;
- Sản xuất sản phẩm cơ khí (chủ yếu là máy móc xây dựng, bàn ghế và tủ văn phòng);
- Dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị và phương tiện;
- Buôn bán ô tô, xe máy, thiết bị phụ tùng, ngành công nghiệp vận tải và khai thác mỏ và phương tiện vận tải;
- Sản xuất và kinh doanh các loại máy xây dựng và máy khai thác mỏ;
- Buôn bán đồ điện, điện tử, các thiết bị y tế và quang học;
- Sản xuất, kinh doanh, lắp ráp, lắp đặt, sửa chữa và bảo hành hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện dân dụng và điều hòa không khí;
- Sản xuất và kinh doanh nguyên vật liệu và các sản phẩm nhựa plastic;
- Các hoạt động quảng cáo;
- Xây dựng công nghiệp và dân dụng;
- Khai thác cát, đá và sỏi;
- Sản xuất, kinh doanh và lắp ráp các sản phẩm nội thất và thiết bị xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Tư vấn đầu tư trong và ngoài nước (không bao gồm tư vấn pháp luật);
- Sản xuất và mua bán kim loại màu các loại, phế liệu kim loại màu;
- Buôn bán và xuất nhập khẩu thép, vật tư thiết bị luyện và cán thép;
- Sản xuất cán kéo thép và sản xuất tôn lợp;
- Khai thác quặng kim loại;
- Mua bán kim loại, quặng kim loại và sắt thép phế liệu;

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Luyện gang thép, đúc gang và sắt, thép;
- Sản xuất ống thép không mạ và có mạ, ống inox;
- Dịch vụ thể dục, thể thao (đào tạo, tổ chức thi đấu và chuyển giao vận động viên);
- Xây dựng, cho thuê sân tập và sân thi đấu thể thao;
- Ủy thác xuất – nhập khẩu;
- Chăn nuôi lợn;
- Chăn nuôi gia cầm;
- Chăn nuôi khác;
- Hoạt động dịch vụ chăn nuôi;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ; và
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp.

1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

1.4 Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn có các công ty con và công ty liên kết sau:

STT	Công ty con cấp 1	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Tập đoàn 31/12/2015	1/1/2015
1	Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát	Sản xuất thiết bị xây dựng; kinh doanh thương mại máy móc và thiết bị xây dựng và khai thác khoáng sản loại nhỏ và vừa.	99,72%	99,72%
2	Công ty CP Nội thất Hòa Phát	Sản xuất và kinh doanh thương mại các sản phẩm nội thất.	99,60%	99,60%
3	Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	Sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép.	99,91%	99,91%
4	Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	Sản xuất và kinh doanh thương mại sản phẩm điện lạnh.	99,67%	99,67%
5	Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	Xây dựng dân dụng; xây dựng công nghiệp, kinh doanh bất động sản thuộc quyền sở hữu hoặc đi thuê, cho thuê nhà, văn phòng; đầu tư và xây dựng bộ hạ tầng kỹ thuật.	99,67%	99,67%
6	Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát	Buôn bán và xuất nhập khẩu sắt thép các loại, vật liệu xây dựng, đồ nội thất, máy điều hòa, máy giặt, tủ lạnh.	99,83%	99,00%
7	Công ty CP Thép Hòa Phát	Sản xuất thép, gang, khai thác quặng sắt, khai thác và thu gom than non; bán buôn kim loại và quặng kim loại; và sản xuất, mua bán than cốc.	99,99%	99,99%
8	Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông	Thăm dò, khai thác, tuyển luyện, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản nói chung trong đó chủ yếu là quặng sắt.	99,96%	99,96%
9	Công ty CP Golden Gain Việt Nam	Kinh doanh bất động sản.	99,94%	84,95%
10	Công ty CP Năng lượng Hòa Phát	Sản xuất và bán buôn than cốc, khai thác và thu gom than cứng; sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế; bán buôn kim loại và quặng kim loại; và buôn bán than luyện cốc và than các loại.	99,89%	99,89%
11	Công ty TNHH Một thành viên Thép Hòa Phát	Sản xuất sắt, thép, gang; bán buôn kim loại và quặng kim loại.	100%	100%

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Tỷ lệ lợi ích và quyền
biểu quyết của Tập đoàn
31/12/2015 1/1/2015**

STT Công ty con cấp 1 Hoạt động chính

12	Công ty Cổ phần Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát (trước đây là “Công ty CP Khoáng sản Hòa Phát”)	Khai thác và thu gom than non; khai thác quặng sắt, bô xít, các kim loại quý hiếm; khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; sản xuất than cốc, thạch cao, vôi, kim loại màu và kim loại quý; đúc sắt thép và kim loại màu; chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm, chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ; buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp.	99,80%	99,80%
13	Công ty TNHH Một thành viên Khoáng sản Nam Giang	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác.	100%	100%
14	Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Sản xuất thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát (i)	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt, chăn nuôi trâu, bò, ngựa, lợn, gà, dê, cừu, lợn, gia cầm, trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp, sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ.	100%	-
15	Công ty CP Khoáng sản Hòa Phát Mitraco (ii)	Khai thác và sản xuất quặng sắt, bô xít và các kim loại quý hiếm; bán buôn kim loại và quặng kim loại.	98,42%	-
16	Công ty TNHH Một thành viên Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Đồng Nai (i)	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt, chăn nuôi trâu, bò, ngựa, lợn, gà, dê, cừu, lợn, gia cầm, trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp, sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ.	100%	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Tỷ lệ lợi ích và
 quyền biểu quyết
 gián tiếp của Tập đoàn
 31/12/2015 1/1/2015**

STT	Công ty con cấp 2	Hoạt động chính		
<i>Công ty con của Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát</i>				
1	Công ty TNHH Chế tạo Máy xây dựng và Khai thác mỏ Hòa Phát	Sản xuất, kinh doanh các loại máy xây dựng và khai thác mỏ; sản xuất động cơ, tua bin.	100%	100%
2	Công ty TNHH Chế tạo cơ khí Hòa Phát	Sửa chữa và sản xuất các sản phẩm cơ khí; dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị, phương tiện.	99,90%	99,90%
<i>Công ty con của Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát</i>				
3	Công ty TNHH Thép Cán nguội Hòa Phát	Sản xuất sản phẩm thép cán nguội.	100%	100%
4	Công ty TNHH Một thành viên Ống thép Hòa Phát Bình Dương	Sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép.	100%	100%
5	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Chánh Nguyên (iii)	Sản xuất, gia công và kinh doanh các loại thép.	-	99,86%
6	Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát Đà Nẵng (iii)	Sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép.	99,92%	99,92%
7	Công ty TNHH Một thành viên Ống thép Hòa Phát Long An (v)	Sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép.	100%	-
<i>Công ty con của Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát</i>				
8	Công ty Quản lý Khai thác Khu công nghiệp Phố Nối A	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, kinh doanh bất động sản thuộc quyền sở hữu hoặc đi thuê, cho thuê nhà xưởng, văn phòng, đầu tư và xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, kinh doanh nước sạch, thu gom rác thải, khai thác, xử lý và cung cấp nước và nhà hàng.	100%	100%
9	Công ty TNHH Quản lý Khai thác Khu công nghiệp Hòa Mạc	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, kinh doanh bất động sản thuộc quyền sở hữu hoặc đi thuê, cho thuê nhà xưởng, văn phòng, đầu tư và xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, kinh doanh nước sạch, thu gom rác thải, khai thác, xử lý và cung cấp nước.	100%	100%

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Tỷ lệ lợi ích và
 quyền biểu quyết
 gián tiếp của Tập đoàn
 31/12/2015 1/1/2015**

STT	Công ty con cấp 2	Hoạt động chính	31/12/2015	1/1/2015
	<i>Công ty con của Công ty CP Golden Gain Việt Nam</i>			
10	Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Hà Nội	Hoạt động thể thao, giải trí, tennis, cầu lông, bida, bơi, thể dục thể hình, games, bất động sản.	94,96%	94,96%
11	Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Thương mại Hà Nội	Vận tải hàng hóa bằng ô tô, vận tải khách liên tỉnh bằng ô tô, sửa chữa máy móc, thiết bị, dịch vụ lữ hành nội địa, đại lý kinh doanh xăng dầu, dịch vụ đại lý vận tải và dịch vụ trông giữ xe ô tô, vận phòng, kho bãi và bất động sản.	99,57%	99,57%
	<i>Công ty con của Công ty TNHH Một thành viên Thép Hòa Phát</i>			
12	Công ty TNHH Một thành viên Hòa Phát Bình Định	Sản xuất sắt, thép, gang; bán buôn kim loại và quặng kim loại.	100%	100%
	<i>Công ty con của Công ty CP Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát (trước đây là "Công ty CP Khoáng sản Hòa Phát")</i>			
13	Công ty CP Khoáng sản Hòa Yên (iv)	Khai thác và sản xuất quặng sắt, bô xít và các kim loại quý hiếm; bán buôn kim loại và quặng kim loại và bán buôn máy móc.	-	99,77%
14	Công ty CP Khoáng sản Đức Long (iv)	Khai thác và sản xuất quặng sắt, bô xít và các kim loại quý hiếm; bán buôn kim loại và quặng kim loại.	-	99,98%
15	Công ty CP Khoáng sản Hòa Phát Mitraco (ii)	Khai thác và sản xuất quặng sắt, bô xít và các kim loại quý hiếm; bán buôn kim loại và quặng kim loại.	-	98,42%
16	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Phát Ninh Bình (v)	Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi khác.	100%	-
17	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Phát Lạc Thủy (v)	Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi khác.	100%	-



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tỷ lệ lợi ích và
 quyền biểu quyết
 gián tiếp của Tập đoàn
 31/12/2015 1/1/2015

STT	Công ty con cấp 2	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết gián tiếp của Tập đoàn 31/12/2015	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết gián tiếp của Tập đoàn 1/1/2015
18	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Phát Bắc Giang (v)	Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi khác.	100%	-
19	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Phát Lạng Sơn (v)	Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi khác.	100%	-
<i>Công ty con của Công ty CP Thép Hòa Phát</i>				
20	Công ty CP Khoáng sản Hòa Yên (iv)	Khai thác và sản xuất quặng sắt, bô xít và các kim loại quý hiếm.	99,77%	-
21	Công ty CP Khoáng sản Đức Long (iv)	Khai thác và sản xuất quặng sắt, bô xít và các kim loại quý hiếm.	99,98%	-
<i>Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông</i>				
22	Công ty TNHH MTV Bình Vàng (v)	Khai thác quặng sắt, khai thác kim loại khác không chứa sắt, sản xuất kim loại màu và kim loại quý, khai thác quặng kim loại quý hiếm.	100%	-
23	Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Nông nghiệp Phú Thọ (v)	Chăn nuôi lợn, trâu, bò, trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp, chế biến, bảo quản rau, quả, thịt và các sản phẩm từ thịt.	100%	-
<i>Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát</i>				
24	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi An Châu (v)	Chăn nuôi gia súc, gia cầm; hoạt động dịch vụ trồng trọt.	100%	-
25	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Vạn Thắng (v)	Chăn nuôi gia súc, gia cầm; hoạt động dịch vụ trồng trọt.	100%	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết gián tiếp của Tập đoàn 31/12/2015 1/1/2015

STT	Công ty con cấp 2	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết gián tiếp của Tập đoàn 31/12/2015	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết gián tiếp của Tập đoàn 1/1/2015
26	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Việt Hùng (v)	Chăn nuôi gia súc, gia cầm; hoạt động dịch vụ trồng trọt.	100%	-
27	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Đồng Phát (v)	Chăn nuôi gia súc, gia cầm; hoạt động dịch vụ trồng trọt.	100%	-

Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Tập đoàn 31/12/2015 1/1/2015

1	Công ty CP Khai khoáng Hòa Phát – SSG	Khai thác và thu gom than non; khai thác quặng sắt không chứa sắt; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; và sản xuất than cốc, vôi, thạch cao.	38%	38%
---	---------------------------------------	---	-----	-----

- (i) Đây là công ty con được thành lập trong năm.
- (ii) Đây là công ty con cấp 2 được chuyển nhượng lại cho Công ty mẹ trong năm.
- (iii) Trong năm, Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Chánh Nguyên được sáp nhập vào Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát Đà Nẵng.
- (iv) Đây là hai công ty con cấp 2 được Công ty CP Khoáng sản Hòa Phát chuyển nhượng cho Công ty CP Thép Hòa Phát trong năm.
- (v) Đây là các công ty con cấp 2 được thành lập trong năm.

Các công ty con và công ty liên kết của Công ty đều được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn có 11.757 nhân viên (1/1/2015: 10.565 nhân viên).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

2.1 Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2.2 Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này.

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Cùng ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”). Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 cũng có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tập đoàn đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200 và Thông tư 202. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Tập đoàn và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh báo cáo tài chính sau đây:

- Cơ sở hợp nhất (Thuyết minh 4.1);
- Các giao dịch bằng ngoại tệ (Thuyết minh 4.2); và
- Lãi trên cổ phiếu (Thuyết minh 4.21).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

4.1 Cơ sở hợp nhất

(a) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu Tập đoàn tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ thì phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con mua thêm được ghi nhận là một khoản tăng thêm vào lợi thế thương mại. Phần chênh lệch âm được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, theo quy định của Thông tư 202, sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu Tập đoàn tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ thì phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là giao dịch vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không thực hiện việc ghi nhận tài sản thuần của công ty con theo giá trị hợp lý như tại thời điểm kiểm soát công ty con.

Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (“Chuẩn mực Kế toán số 24”) quy định hoạt động tài chính là các hoạt động tạo ra các thay đổi về quy mô và kết cấu của vốn chủ sở hữu và vốn vay của doanh nghiệp. Theo quy định này thì số tiền công ty mẹ trả cho cổ đông không kiểm soát để mua thêm phần vốn của công ty con sẽ được phân loại là lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất. Tuy nhiên, Thông tư 202 lại có quy định là số tiền công ty mẹ trả cho cổ đông không kiểm soát để mua thêm phần vốn của các công ty con được phân loại là lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất. Tập đoàn đã lựa chọn tuân thủ theo Thông tư 202 khi lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

(b) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

(c) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(d) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(e) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

(f) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và các khoản nợ phải trả của công ty được mua được hợp nhất theo giá trị hợp lý. Giá mua bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu phát hành bởi Tập đoàn tại ngày trao đổi. Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của công ty được mua. Khoản chênh lệch âm, được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị hợp lý, Tập đoàn sử dụng giá trị ghi sổ theo nguyên tắc giá gốc của các tài sản và nợ phải trả thuần của công ty được mua dựa vào công văn hướng dẫn của Bộ Tài chính đối với Tập đoàn.

Các chi phí giao dịch phát sinh bởi Tập đoàn liên quan đến hợp nhất kinh doanh bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến hợp nhất kinh doanh, như phí dịch vụ chuyên môn trả cho kế toán viên, chuyên gia tư vấn pháp lý, chuyên gia thẩm định giá và các chuyên gia tư vấn khác liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh cụ thể đang được ghi nhận không được tính vào chi phí hợp nhất kinh doanh, mà được ghi nhận là chi phí khi phát sinh.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty hoặc các công ty con và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty hoặc các công ty con nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty hoặc các công ty con dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty hoặc các công ty con thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty hoặc các công ty con gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả (phải trả và vay): dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, trừ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh liên quan đến hoạt động xây dựng cơ bản để hình thành tài sản cố định và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ trong giai đoạn trước hoạt động của Công ty hoặc các công ty con, thì được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi Công ty hoặc các công ty con bắt đầu hoạt động. Khi Công ty hoặc các công ty con bắt đầu hoạt động và tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng, các khoản lãi hoặc lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thuần có liên quan được kết chuyển vào Tài khoản Doanh thu chưa thực hiện hoặc vào Tài khoản Chi phí trả trước dài hạn. Các khoản lãi hoặc lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thuần này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do áp dụng Thông tư 200, tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá bao gồm cả chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Số dư còn lại chưa phân bổ hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 của khoản chênh lệch tỷ giá trước đây được ghi nhận vào Tài khoản Chi phí trả trước dài hạn được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố. Do sự thay đổi chính sách kế toán này, lợi nhuận thuần hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 giảm 1.111 triệu VND (sau khi trừ đi 196 triệu VND ảnh hưởng về thuế thu nhập).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

4.4 Các khoản đầu tư

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(b) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm.

Hàng tồn kho được sản xuất và để bán

Đối với thành phẩm và sản phẩm sản xuất dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Bất động sản xây dựng để bán trong tương lai

Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh và bao gồm chi phí đất, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng, các chi phí trực tiếp khác và các chi phí sản xuất chung được phân bổ.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

(a) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng, ngoại trừ chi phí đại tu và sửa chữa lớn được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 4.11(b)), được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(b) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa | 5 – 50 năm |
| ▪ dụng cụ văn phòng | 3 – 12 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 2 – 25 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 – 10 năm |
| ▪ tài sản cố định khác | 3 – 10 năm |

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4.8 Tài sản cố định vô hình

(a) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Đối với quyền sử dụng đất với thời hạn xác định, khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 15 đến 46 năm. Khấu hao không được trích cho những quyền sử dụng đất với thời hạn không xác định.

(b) Phần mềm máy vi tính

Giá mua phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 2 đến 6 năm.

4.9 Bất động sản đầu tư cho thuê

(a) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất, chi phí xây dựng và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(b) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư cho thuê. Khấu hao không được trích cho những quyền sử dụng đất với thời hạn không xác định. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 5 – 49 năm

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

4.10 Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

4.11 Chi phí trả trước dài hạn

(a) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(b) Chi phí đại tu, sửa chữa lớn

Chi phí đại tu, sửa chữa lớn tài sản bao gồm các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian từ 2 đến 4 năm.

(c) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư 45, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(d) Chi phí giải phóng mặt bằng

Chi phí giải phóng mặt bằng phản ánh chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng do Tập đoàn chi trả. Các chi phí này được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất.

4.12 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng không quá 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

4.13 Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

4.14 Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

4.15 Vốn cổ phần

(a) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(b) Phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động

Theo chính sách của Tập đoàn, giá trị cổ phiếu thưởng phát hành cho người lao động từ thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo mệnh giá và không được ghi là chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Thu hồi cổ phiếu thưởng cho người lao động làm cổ phiếu quỹ

Khi thu lại cổ phiếu thưởng cho người lao động đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của số cổ phiếu này được ghi tăng vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã thu lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

4.16 Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(a) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các tài sản tài chính đã được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- Các khoản mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- Các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

4.17 **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

4.18 Doanh thu và thu nhập khác

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(b) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(c) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(d) Doanh thu bán căn hộ

Doanh thu bán căn hộ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm hoàn thành bàn giao bất động sản.

(e) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian, dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(f) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

4.19 Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

4.20 Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

4.21 Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do áp dụng Thông tư 200, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố. Do sự thay đổi chính sách kế toán này, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 giảm 355 VND/cổ phiếu.

4.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung.

Các bên liên quan có thể là các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, các nhân viên quản lý chủ chốt của Tập đoàn, các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan và các công ty con và công ty liên kết của các cá nhân này và các công ty liên kết của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

5. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh. Tập đoàn có các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Sản xuất và kinh doanh thép các loại: luyện gang thép, đúc gang, sắt, thép, buôn bán và xuất nhập khẩu thép, vật tư thiết bị luyện, cán thép, sản xuất thép công nghiệp, bao gồm thép tấm, thép cuộn cán nóng, thép cuộn cán nguội, thép ống hàn, phế liệu và phôi thép, sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép, sản xuất máy rút thép sợi;
- Kinh doanh máy móc xây dựng: sản xuất thiết bị xây dựng và kinh doanh thương mại máy móc và thiết bị xây dựng, và khai thác khoáng sản loại nhỏ và vừa;
- Sản xuất đồ nội thất và sản phẩm điện lạnh: sản xuất và kinh doanh thương mại các sản phẩm nội thất và các sản phẩm điện lạnh;
- Bất động sản: xây dựng dân dụng, xây dựng công nghiệp, kinh doanh bất động sản thuộc quyền sở hữu hoặc đi thuê, cho thuê nhà, văn phòng, đầu tư và xây dựng hạ tầng kỹ thuật;
- Năng lượng và thăm dò khai thác khoáng sản: thăm dò, khai thác, tuyển luyện, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản nói chung trong đó chủ yếu là quặng sắt, sản xuất và bán buôn than cốc, khai thác và thu gom than cứng, sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế, sản xuất, truyền tải, phân phối điện, bán buôn kim loại và quặng kim loại, và buôn bán than luyện cốc và than các loại;
- Chăn nuôi và sản xuất thức ăn chăn nuôi: chăn nuôi lợn, gia cầm; hoạt động dịch vụ chăn nuôi; chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng nông nghiệp; các ngành phụ trợ liên quan khác; và
- Đầu tư tài chính (công ty mẹ): đầu tư dài hạn vào các công ty con và công ty liên kết.

Tập đoàn không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì Ban Giám đốc xác định rằng, hiện tại Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận chia theo vùng địa lý duy nhất đó là trong lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Sản xuất và kinh doanh thép các loại VND	Kinh doanh máy móc xây dựng VND	Sản xuất đồ nội thất và sản phẩm điện lạnh VND	Bất động sản VND	Năng lượng và thăm dò khai thác khóang sản VND	Chăn nuôi và sản xuất thức ăn chăn nuôi VND	Đầu tư tài chính (Công ty mẹ) VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015									
Doanh thu thuần ra bên ngoài	21.892.049.097.579	303.655.889.756	2.168.743.204.457	1.062.606.385.074	693.909.135.666	1.331.968.401.801	-	-	27.452.932.114.333
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	11.523.462.897.673	71.350.969.672	61.610.068.996	64.534.033.233	3.557.294.872.708	-	26.162.521.000	(15.304.415.363.282)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	33.415.511.995.252	375.006.859.428	2.230.353.273.453	1.127.140.418.307	4.251.204.008.374	1.331.968.401.801	26.162.521.000	(15.304.415.363.282)	27.452.932.114.333
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của bộ phận	2.950.560.878.140	56.483.192.756	367.128.918.307	387.206.050.544	567.792.959.291	(46.782.297.035)	1.787.061.911.805	(1.978.265.442.657)	4.091.186.171.151
Thu nhập khác	282.310.198.614	9.094.131.099	79.561.939.421	14.568.708.595	7.922.182.466	667.677.280	6.958.601.854	(86.537.175.630)	314.546.263.699
Chi phí khác	(311.493.115.751)	(313.443.159)	(2.672.546.261)	(9.544.255.602)	(91.680.952.862)	(120.949.033)	(579.648.126)	501.140.740	(415.903.770.054)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(219.018.415.062)	(13.237.030.216)	(91.960.635.607)	(100.240.295.233)	(90.030.400.952)	-	(2.492.111.243)	-	(516.978.888.313)
(Chi phí)/lợi ích thuế thu nhập hoàn lại	(362.734.939)	926.615.009	1.932.510.445	16.370.220.408	1.033.815.332	-	-	11.632.285.041	31.532.711.296
Lợi nhuận thuần sau thuế	2.701.996.811.002	52.953.465.489	353.990.186.305	308.360.428.712	395.037.603.275	(46.235.568.788)	1.790.948.754.290	(2.052.669.192.506)	3.504.382.487.779

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	Sản xuất và kinh doanh thép các loại VND	Kinh doanh máy móc xây dựng VND	Sản xuất đồ nội thất và sản phẩm điện lạnh VND	Sản xuất và lắp đặt thiết bị và lắp đặt thiết bị VND	Bất động sản VND	Năng lượng và thăm dò khai thác khoáng sản VND	Chăn nuôi và sản xuất thực phẩm chăn nuôi VND	Đầu tư tài chính (Công ty mẹ) VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận	16.942.015.286.439	274.973.018.487	1.635.345.709.419	1.910.699.885.605	3.852.422.923.146	965.948.963.815	1.090.838.321.365	(1.169.281.258.656)	25.502.962.849.620	
Khoản đầu tư vào các công ty con	-	-	-	-	-	-	8.534.660.542.633	(8.534.660.542.633)	-	
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	5.730.000.000	(1.923.664.075)	3.806.335.925	
Tổng tài sản	16.942.015.286.439	274.973.018.487	1.635.345.709.419	1.910.699.885.605	3.852.422.923.146	965.948.963.815	9.631.228.863.998	(9.705.865.465.364)	25.506.769.185.545	
Nợ phải trả của bộ phận	8.474.202.029.018	60.328.785.218	698.257.804.461	505.658.442.121	1.431.441.295.248	647.341.216.503	210.778.630.594	(987.949.402.928)	11.040.058.800.235	
Tổng nợ phải trả	8.474.202.029.018	60.328.785.218	698.257.804.461	505.658.442.121	1.431.441.295.248	647.341.216.503	210.778.630.594	(987.949.402.928)	11.040.058.800.235	
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015										
Chỉ tiêu vốn	4.169.816.870.396	2.019.315.510	288.977.165.974	34.436.905.457	160.922.130.892	155.975.426.454	7.530.894.984	(42.539.121.945)	4.777.139.587.722	
Khấu hao tài sản cố định hữu hình, tài sản thuê tài chính và bất động sản đầu tư	(749.106.805.612)	(12.568.394.613)	(98.900.558.576)	(20.680.938.255)	(377.567.935.375)	(802.108.154)	(5.839.205.480)	(7.083.951.723)	(1.272.549.897.788)	
Khấu hao tài sản cố định vô hình	(1.707.933.850)	(670.100.207)	(2.099.460.161)	-	(83.994.020)	-	(314.023.524)	309.613.068	(4.565.898.694)	
Phần bù chi phí trả trước dài hạn	(192.078.749.853)	(5.071.263.652)	(18.733.206.131)	(169.741.013)	(15.531.164.179)	(1.284.900.900)	(6.194.124.814)	517.659.929	(238.545.490.613)	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Sản xuất và kinh doanh thép các loại VND	Kinh doanh máy móc xây dựng VND	Sản xuất đồ nội thất và sản phẩm điện lạnh VND	Bất động sản VND	Năng lượng và thăm dò khai thác khương sản VND	Chăn nuôi và sản xuất thực phẩm chăn nuôi VND	Đầu tư tài chính (Công ty mẹ) VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014									
Doanh thu thuần ra bên ngoài	19.794.972.649.539	254.794.161.843	1.996.280.783.781	2.698.660.955.286	779.129.872.264	-	1.510.400.000	-	25.525.348.822.713
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	9.877.775.346.029	57.002.130.942	62.528.351.752	77.264.639.706	3.686.521.135.577	-	27.932.356.667	(13.789.023.960.673)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	29.672.747.995.568	311.796.292.785	2.058.809.135.533	2.775.925.594.992	4.465.651.007.841	-	29.442.756.667	(13.789.023.960.673)	25.525.348.822.713
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của bộ phận	2.148.932.445.066	50.096.699.438	339.422.252.347	980.573.580.565	382.925.818.097	-	1.179.329.971.664	(1.271.298.326.400)	3.809.982.440.777
Thu nhập khác	214.958.420.055	6.772.708.115	30.241.716.842	18.111.350.685	46.856.503.893	-	17.087.860.027	(76.301.244.870)	257.727.314.747
Chi phí khác	(211.702.256.725)	(5.480.646.397)	(49.184.282.186)	(17.312.052.149)	(63.485.418.698)	-	(1.814.692.743)	50.790.321.806	(298.189.027.092)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(162.313.785.534)	(11.380.750.364)	(66.605.181.861)	(220.750.201.606)	(49.997.642.627)	-	(6.068.773.819)	-	(517.116.335.811)
Lợi ích/(chi phí) thuế thu nhập hoàn lại	3.694.053.830	475.965.441	(631.972.329)	(568.878.426)	184.559.431	-	-	(5.343.530.364)	(2.189.802.417)
Lợi nhuận thuần sau thuế	1.993.568.876.692	40.483.976.233	253.242.532.813	760.053.799.069	316.483.820.096	-	1.188.534.365.129	(1.302.152.779.828)	3.250.214.590.204

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015

	Sản xuất và kinh doanh thép các loại VND	Kinh doanh máy móc xây dựng VND	Sản xuất đồ nội thất và sản phẩm điện lạnh VND	Bất động sản VND	Năng lượng và thăm dò khai thác khoáng sản VND	Chăn nuôi và sản xuất thức ăn chăn nuôi VND	Đầu tư tài chính (Công ty mẹ) VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận	14.520.467.566.744	277.974.981.094	1.565.977.104.081	2.201.405.228.769	3.944.031.864.617	-	773.760.011.158	(1.198.509.496.109)	22.085.107.260.354
Khoản đầu tư vào các công ty con	-	-	-	-	-	-	7.590.768.437.533	(7.590.768.437.533)	-
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	5.730.000.000	(1.732.862.551)	3.997.137.449
Tổng tài sản	14.520.467.566.744	277.974.981.094	1.565.977.104.081	2.201.405.228.769	3.944.031.864.617	-	8.370.258.448.691	(8.791.010.796.193)	22.089.104.397.803
Nợ phải trả của bộ phận	8.264.574.749.070	42.346.408.104	734.977.331.273	666.464.454.925	1.477.971.282.604	-	129.219.019.165	(1.191.788.590.947)	10.123.764.654.194
Tổng nợ phải trả	8.264.574.749.070	42.346.408.104	734.977.331.273	666.464.454.925	1.477.971.282.604	-	129.219.019.165	(1.191.788.590.947)	10.123.764.654.194
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014									
Chi tiêu vốn	717.807.064.200	4.225.356.610	190.402.794.246	8.162.630.836	151.103.407.680	-	15.861.010.537	(2.734.069.659)	1.084.828.194.450
Khấu hao tài sản cố định hữu hình, tài sản thuê tài chính và bất động sản đầu tư	(649.164.573.228)	(12.773.724.431)	(73.380.455.918)	(19.675.463.368)	(333.829.947.548)	-	(18.584.190.004)	6.417.726.338	(1.100.990.628.159)
Khấu hao tài sản cố định vô hình	(1.637.845.049)	(833.130.094)	(2.045.864.344)	-	(219.802.670)	-	(587.200.353)	308.810.356	(5.015.032.154)
Phần bù chi phí trả trước dài hạn	(75.304.600.468)	(681.344.524)	(15.798.406.390)	(2.416.098.399)	(165.962.393.485)	-	(1.812.914.213)	932.602.695	(261.043.154.784)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Tiền mặt	7.364.886.583	5.253.004.793
Tiền gửi ngân hàng	342.031.319.837	477.066.928.012
Tiền đang chuyển	-	9.629.361.216
Các khoản tương đương tiền	2.023.365.634.445	1.534.331.173.684
	<hr/>	<hr/>
	2.372.761.840.865	2.026.280.467.705
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Các khoản đầu tư tài chính

7.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	758.094.875.121	758.094.875.121	506.641.791.271	506.641.791.271
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - dài hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	83.037.014.980	(*)	41.485.562.709	(*)

(i) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 1 năm tại các tổ chức tài chính, hưởng lãi suất từ 3,5% đến 5,8% (2014: 4,2% đến 8,2%) một năm.

(ii) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng tại các tổ chức tài chính, được hưởng lãi suất từ 6,2% đến 6,3% (2014: 6,2% đến 7,7%) một năm.

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Địa chỉ	31/12/2015			1/1/2015		
		Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi số VND
Đầu tư góp vốn vào:							
▪ Công ty liên kết							
• Công ty CP Khai khoáng Hòa Phát - SSG	TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	38,00%	38,00%	3.806.335.925	38,00%	38,00%	3.997.137.449
▪ Đơn vị khác							
• Công ty CP Bia và Nước giải khát Việt Hà	Bắc Ninh, Việt Nam	6,98%	6,98%	15.000.000.000	6,98%	6,98%	15.000.000.000
• Công ty CP Phát triển Đô thị Bắc Hà Nội	Hà Nội, Việt Nam	7,00%	7,99%	700.000.000	7,00%	7,99%	700.000.000
• Khác				2.128.365			2.128.365
				<u>15.702.128.365</u>			<u>15.702.128.365</u>
				<u>19.508.464.290</u>			<u>19.699.265.814</u>
				(*)			(*)

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi số.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***8. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
Lãi vay phải thu	16.260.121.412	14.123.482.004
Thuế xuất khẩu nộp trước	2.916.009.473	-
Hàng mất chờ bồi thường	-	23.560.742.480
Vật tư mang đi gia công	3.167.292.171	629.364.400
Phải thu khác	24.890.929.955	20.421.551.672
	47.234.353.011	58.735.140.556

9. Hàng tồn kho

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	695.366.378.460	-	585.168.710.926	-
Nguyên vật liệu	2.728.251.654.898	(214.141.701.768)	3.314.175.008.838	(195.604.647.670)
Công cụ và dụng cụ	826.775.384.751	(18.367.069)	554.482.318.301	-
Sản phẩm dở dang	881.447.559.380	(10.762.651.083)	382.083.095.714	-
Thành phẩm	1.913.398.544.726	(42.842.913.922)	2.590.754.929.766	(17.492.367.978)
Hàng hóa	76.824.564.678	(2.847.972.743)	46.774.019.099	(1.624.240.705)
Hàng gửi đi bán	85.991.306.756	-	127.672.221.874	-
	7.208.055.393.649	(270.613.606.585)	7.601.110.304.518	(214.721.256.353)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 1.318.451 triệu VND (1/1/2015: 2.629.128 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có 738.684 triệu VND giá trị hàng tồn kho (1/1/2015: 1.671.335 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Dụng cụ văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	2.711.443.950.184	27.118.590.001	9.327.202.464.709	364.746.977.295	594.442.662	12.431.106.424.851
Tăng trong năm	67.634.725.307	3.010.677.458	77.190.370.092	101.874.563.548	-	249.710.336.405
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	222.472.449.808	-	319.110.396.315	25.413.213.492	-	566.996.059.615
Thanh lý và xóa sổ	(56.118.193.470)	(196.880.325)	(122.050.147.865)	(31.300.807.218)	-	(209.666.028.878)
Biến động khác	16.091.299.667	(45.454.545)	(1.353.398.218)	425.000.000	1.776.541.200	16.893.988.104
Số dư cuối năm	2.961.524.231.496	29.886.932.589	9.600.099.685.033	461.158.947.117	2.370.983.862	13.055.040.780.097
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	681.540.983.352	16.690.474.881	3.016.000.272.135	167.793.334.048	594.442.662	3.882.619.507.078
Khấu hao trong năm	293.717.968.503	3.684.315.098	910.890.641.531	55.207.555.996	196.510.624	1.263.696.991.752
Thanh lý và xóa sổ	(41.052.339.874)	(172.633.311)	(78.817.905.999)	(21.861.487.704)	-	(141.904.366.888)
Biến động khác	(1.027.046.575)	21.358.413	4.110.585.697	53.641.587	-	3.158.539.122
Số dư cuối năm	933.179.565.406	20.223.515.081	3.852.183.593.364	201.193.043.927	790.953.286	5.007.570.671.064
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	2.029.902.966.832	10.428.115.120	6.311.202.192.574	196.953.643.247	-	8.548.486.917.773
Số dư cuối năm	2.028.344.666.090	9.663.417.508	5.747.916.091.669	259.965.903.190	1.580.030.576	8.047.470.109.033

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản với nguyên giá 1.021.785 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 921.127 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 4.908.798 triệu VND (1/1/2015: 5.143.899 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	206.165.825.242	3.102.746.855	1.367.576.332	210.636.148.429
Tăng trong năm	-	871.000.000	-	871.000.000
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(9.514.160.400)	-	-	(9.514.160.400)
Thanh lý và xóa sổ	(8.562.908.770)	(181.000.000)	-	(8.743.908.770)
Phân loại lại	-	(133.333.332)	133.333.332	-
Số dư cuối năm	188.088.756.072	3.659.413.523	1.500.909.664	193.249.079.259
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	26.748.438.777	2.494.048.958	1.228.118.622	30.470.606.357
Khấu hao trong năm	3.785.984.005	640.456.979	139.457.710	4.565.898.694
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(1.271.623.804)	-	-	(1.271.623.804)
Thanh lý và xóa sổ	(4.295.140.354)	(181.000.000)	-	(4.476.140.354)
Phân loại lại	-	(133.333.332)	133.333.332	-
Số dư cuối năm	24.967.658.624	2.820.172.605	1.500.909.664	29.288.740.893
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	179.417.386.465	608.697.897	139.457.710	180.165.542.072
Số dư cuối năm	163.121.097.448	839.240.918	-	163.960.338.366

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 1.411 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (1/1/2015: 881 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 77.867 triệu VND (1/1/2015: 80.004 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	216.665.630.027	15.780.994.600	232.446.624.627
Tăng trong năm	4.003.434.925	-	4.003.434.925
Số dư cuối năm	220.669.064.952	15.780.994.600	236.450.059.552
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	35.102.860.696	-	35.102.860.696
Khấu hao trong năm	8.852.906.036	-	8.852.906.036
Số dư cuối năm	43.955.766.732	-	43.955.766.732
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	181.562.769.331	15.780.994.600	197.343.763.931
Số dư cuối năm	176.713.298.220	15.780.994.600	192.494.292.820

Bất động sản đầu tư là nhà cửa của Tập đoàn bao gồm nhà xưởng cho thuê tại Khu Công nghiệp Phố Nối A, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam, một số tầng cho thuê của các tòa nhà tại 257 Giải Phóng, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam và tại dự án Mandarin Garden, Hoàng Minh Giám, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam.

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất liên quan tới dự án Mandarin Garden. Quyền sử dụng đất này có thời hạn không xác định nên Tập đoàn không thực hiện trích khấu hao.

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định chính xác giá trị hợp lý cho các loại bất động sản đầu tư này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	429.472.156.988	133.570.569.419
Tăng trong năm	4.522.554.816.392	936.923.818.108
Mua một công ty con cấp 2	-	1.688.679.995
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(566.996.059.615)	(614.905.972.027)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	(5.427.290.909)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(41.913.545.408)	(14.828.352.470)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(3.333.681.721)	(1.044.634.617)
Thanh lý	-	(8.288.758.922)
Biến động khác	(595.177.751)	1.784.098.411
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	4.339.188.508.885	429.472.156.988

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Nhà máy luyện gang	1.675.140.961.953	83.551.944.552
Hệ thống nhà máy phôi	675.820.940.826	38.223.102.752
Hệ thống nhà máy cán	469.252.516.318	-
Hạng mục lò vôi	202.006.584.929	-
Mở rộng nhà máy ống thép	150.545.022.392	-
Nhà máy vôi viên	129.065.166.407	-
Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi	124.154.056.454	-
Nhà máy điện giai đoạn 3	117.760.569.806	-
Chi phí giải phóng mặt bằng đất bổ sung	50.888.219.093	73.368.519.432
Vật tư xây dựng cơ bản dở dang và máy móc thiết bị chưa lắp đặt chưa được phân bổ vào hạng mục	376.044.602.785	79.559.496.782
Chi phí mở rộng nhà máy phôi 1	-	75.052.000
Nhà máy sản xuất quặng thiêu kết	163.485.616.763	16.978.885.135
Dự án xây dựng xưởng mạ	-	27.041.919.136
Nhà máy tủ lạnh	-	15.861.489.223
Dây chuyền mạ dải	-	49.191.251.977
Các dự án khác	205.024.251.159	45.620.495.999
	<hr/>	<hr/>
	4.339.188.508.885	429.472.156.988

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí đại tu, sửa chữa lớn VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí giải phóng mặt bằng VND	Chi phí trả trước khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	59.170.593.240	238.469.150.180	5.269.304.188	134.653.926.380	25.227.096.703	20.428.659.212	483.218.729.903
Tăng trong năm	46.705.229.504	127.241.907.610	-	69.578.521.423	-	21.570.385.445	265.096.043.982
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	6.766.607.277	1.517.564.601	-	33.333.804.000	-	295.569.530	41.913.545.408
Phân loại lại	4.303.302.373	-	-	-	-	(4.303.302.373)	-
Phân bổ trong năm	(65.435.274.068)	(143.455.432.832)	(5.269.304.188)	(4.475.466.922)	(1.690.987.741)	(18.219.024.862)	(238.545.490.613)
Số dư cuối năm	51.510.458.326	223.773.189.559	-	233.090.784.881	23.536.108.962	19.772.286.952	551.682.828.680

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, một số chi phí trả trước dài hạn với giá trị ghi sổ là 36.367 triệu VND (1/1/2015: 37.661 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Chi phí phải trả	26.957.539.726	10.705.727.819
Lợi nhuận chưa thực hiện phát sinh từ bán hàng tồn kho và bán tài sản cố định giữa các công ty trong Tập đoàn	56.676.400.218	38.299.108.599
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	69.091.838	3.060.612.456
	83.703.031.782	52.065.448.874

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

16. Lợi thế thương mại

	Công ty Cổ phần Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát (trước đây là "Công ty Khoáng sơn Hòa Phát") (*) VND	Công ty CP Năng lượng Hòa Phát VND	Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Hà Nội (*) VND	Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Hà Nội (*) VND	Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Thương mại Hà Nội (*) VND	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Chánh Nguyên VND	Tổng VND
Giá gốc							
Số dư đầu năm và cuối năm	350.232.527.609	206.244.396.684	74.526.572.949	74.526.572.949	89.496.114.296	54.111.943.050	808.626.172.791
Giá trị phân bổ lũy kế							
Số dư đầu năm	195.546.494.581	94.528.681.812	49.583.157.366	49.583.157.366	51.398.239.056	23.190.832.734	426.544.090.304
Phân bổ trong năm	154.686.033.028	20.624.439.669	24.943.415.583	24.943.415.583	38.097.875.240	30.921.110.316	290.990.807.284
Số dư cuối năm	350.232.527.609	115.153.121.481	74.526.572.949	74.526.572.949	89.496.114.296	54.111.943.050	717.534.897.588
Giá trị ghi sổ							
Số dư đầu năm	154.686.033.028	111.715.714.872	24.943.415.583	24.943.415.583	38.097.875.240	30.921.110.316	382.082.082.487
Số dư cuối năm	-	91.091.275.203	-	-	-	-	91.091.275.203

(*) Trong năm, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá tồn thất lợi thế thương mại tại các công ty con này dựa trên những lợi ích mà các khoản đầu tư vào các công ty con này có thể mang lại và đã quyết định phân bổ giá trị ghi sổ còn lại đầu năm của các khoản lợi thế thương mại này vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Điều này đã làm giảm lợi nhuận thuần hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 169 tỷ VND.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***17. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Ngân sách Nhà nước****17.1 Thuế và các khoản khác phải thu Ngân sách Nhà nước**

	1/1/2015 VND	Số phải thu trong năm VND	Bù trừ với số thuế phải nộp trong năm VND	31/12/2015 VND
Các khoản thuế đã nộp cho Ngân sách Nhà nước sẽ được hoàn lại/khấu trừ				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.702.554.613	503.052.962	(5.435.474.504)	6.770.133.071
Các khoản khác phải thu Ngân sách Nhà nước				
Khác	1.200.269.655	6.247.038.128	(6.240.868.469)	1.206.439.314
	12.902.824.268	6.750.091.090	(11.676.342.973)	7.976.572.385

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17.2 Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước

	1/1/2015 VND	Số phải nộp/ (điều chỉnh) trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2015 VND
Thuế				
Thuế giá trị gia tăng	62.522.514.742	1.869.122.728.210	(1.902.249.864.157)	29.395.378.795
Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.619.285.971	30.520.524.964	(33.022.230.519)	117.580.416
Thuế xuất nhập khẩu	-	166.302.023.516	(165.409.159.325)	892.864.191
Thuế thu nhập doanh nghiệp	231.392.387.541	516.978.888.313	(447.842.572.341)	300.528.703.513
Thuế nhà thầu	239.843.922	17.569.404.527	(16.382.293.993)	1.426.954.456
Thuế thu nhập cá nhân	1.084.181.596	29.737.926.015	(29.629.374.353)	1.192.733.258
Thuế tài nguyên	5.504.672.313	56.910.726.130	(57.739.750.424)	4.675.648.019
Tiền thuê đất	136.419.167.478	34.725.023.396	(113.839.674.390)	57.304.516.484
Các loại thuế khác	2.779.698.305	34.313.559.342	(34.097.536.972)	2.995.720.675
Các khoản phải nộp khác				
Phụ phí giao thông (*)	21.139.062.856	(21.139.062.856)	-	-
	463.700.814.724	2.735.041.741.557	(2.800.212.456.474)	398.530.099.807

(*) Ngày 6 tháng 8 năm 2009, Ủy ban Nhân dân Tỉnh Lào Cai ban hành Quyết định số 2420/QĐ-UBND về việc quy định khoản thu từ khai thác khoáng sản để đảm bảo hạ tầng giao thông trên địa bàn Tỉnh Lào Cai, nhằm huy động góp hợp lý từ các tổ chức, cá nhân có hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh. Công ty CP Khoáng sản Đức Long, một công ty con cấp 2 của Công ty, đã trích lập khoản phải trả vào chi phí sản xuất kinh doanh trong các năm trước. Tuy nhiên, trong năm 2015, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng Công ty có đủ căn cứ pháp lý để không phải đóng khoản phụ phí giao thông này và đã tiến hành điều chỉnh lại khoản phải trả này vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***18. Chi phí phải trả****18.1 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
Tiền điện	36.513.158.033	12.727.993.710
Chi phí khuyến mại	26.614.711.130	15.807.317.000
Chi phí lãi vay	18.514.828.201	51.571.875.622
Chi phí khôi phục môi trường	-	4.417.769.085
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	9.085.228.848	28.472.068.231
Phí vận chuyển	2.864.387.729	5.068.626.033
Phí sử dụng thông tin thăm dò địa chất	1.402.755.548	7.664.921.510
Lương và thưởng	1.972.044.207	1.920.099.724
Chi phí phải trả khác	9.789.271.254	24.914.227.681
	<hr/> 106.756.384.950	<hr/> 152.564.898.596 <hr/>

18.2 Chi phí phải trả dài hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn đất khu công nghiệp	181.520.840.109	50.447.538.919
	<hr/> 181.520.840.109	<hr/> 50.447.538.919 <hr/>

19. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn thể hiện khoản doanh thu nhận trước từ việc cho thuê các bất động sản đầu tư của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***20. Các khoản phải trả khác****20.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
Phải trả Công ty TNHH RHI Retractories Asia-Pacific PTE	7.384.565.916	12.433.066.383
Chi phí lãi vay	106.154.801	18.844.445
Phải trả Công ty CP Golden Gain Enterprises	3.756.425.917	3.756.425.917
Cổ tức phải trả	1.549.770.000	1.515.919.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.406.910.000	24.350.261.964
Chiết khấu thương mại	41.960.588.602	39.760.742.486
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	8.788.887.474	5.364.206.004
Hàng mượn	2.728.208.404	1.452.873.856
Tài sản thừa chờ xử lý	497.821.990	821.177.009
Chi phí bảo lãnh	1.275.960.726	1.732.775.389
Các khoản phải trả khác	25.421.429.657	13.030.186.830
	<hr/>	
	95.876.723.487	104.236.479.283
	<hr/>	

20.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Quỹ bảo trì căn hộ	104.098.853.611	89.340.320.246
Các khoản phải trả khác	6.086.243.813	6.728.385.718
	<hr/>	
	110.185.097.424	96.068.705.964
	<hr/>	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Các khoản vay

21.1 Vay ngắn hạn

	1/1/2015		Biến động trong năm		31/12/2015	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	5.515.438.574.744	5.515.438.574.744	22.391.353.976.747	(21.939.975.226.234)	5.966.817.325.257	5.966.817.325.257
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 21.2)	221.544.862.065	221.544.862.065	150.000.000.000	(221.544.862.065)	150.000.000.000	150.000.000.000
	5.736.983.436.809	5.736.983.436.809	22.541.353.976.747	(22.161.520.088.299)	6.116.817.325.257	6.116.817.325.257

Số dư vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm các khoản vay bằng VND và USD với giá trị tương ứng là 5.881.883 triệu VND và 84.934 triệu VND (1/1/2015: 1.173.324 triệu VND và 4.342.115 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, các khoản vay ngắn hạn bằng VND và các khoản vay bằng USD với giá trị ghi sổ tương ứng là 5.394.158 triệu VND và 55.508 triệu VND (1/1/2015: 1.003.014 triệu VND và 3.554.204 triệu VND) được bảo đảm bằng một số hàng tồn kho (Thuyết minh 9), tài sản cố định (Thuyết minh 10 và 11), chi phí trả trước dài hạn của Tập đoàn (Thuyết minh 14) và một số cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát ("cổ phiếu HPG") thuộc sở hữu của một số thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty.

Các khoản vay ngắn hạn còn lại không được bảo đảm.

Các khoản vay bằng VND chịu lãi suất từ 3,9% đến 6% (2014: 3,5% đến 6,5%) một năm. Các khoản vay bằng USD chịu lãi suất từ 1,2% đến 2,2% (2014: 1,4% đến 4%) một năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***21.2 Vay dài hạn**

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Vay dài hạn	889.000.000.000	1.232.408.614.216
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 21.1)	(150.000.000.000)	(221.544.862.065)
	<hr/>	<hr/>
Hoàn trả sau 12 tháng	739.000.000.000	1.010.863.752.151
	<hr/>	<hr/>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn còn số dư là như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm (%)	Năm đáo hạn	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (a)	VND	8	2021	289.000.000.000	577.072.326.185
Ngân hàng ANZ	USD	4,5 - 4,73	2016	-	14.431.078.231
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	10 - 11,5	2017	-	40.905.209.800
Vay từ cá nhân (b)	VND	9 - 12,6	2017	600.000.000.000	600.000.000.000
				<hr/>	<hr/>
				889.000.000.000	1.232.408.614.216
				<hr/>	<hr/>

(a) Các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định của Tập đoàn (Thuyết minh 10).

(b) Khoản vay từ các cá nhân không được đảm bảo.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Dự phòng

	Chi phí bảo hành VND	Dự phòng khôi phục môi trường VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	17.171.173.699	-	17.171.173.699
Dự phòng lập trong năm	1.546.483.838	8.762.096.454	10.308.580.292
Dự phòng sử dụng trong năm	(1.371.444.099)	-	(1.371.444.099)
Số dư cuối năm	17.346.213.438	8.762.096.454	26.108.309.892
Ngắn hạn	9.745.648.320	-	9.745.648.320
Dài hạn	7.600.565.118	8.762.096.454	16.362.661.572

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi và thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	214.569.969.365	90.863.645.308
Trích lập trong năm	260.167.975.341	219.220.272.122
Sử dụng trong năm	(125.377.836.812)	(95.513.948.065)
Số dư cuối năm	349.360.107.894	214.569.969.365

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1/1/2014	4.190.525.330.000	2.207.350.817.068	-	459.080.197.478	-	2.643.370.909.871	86.632.765.142	9.586.960.019.559
Góp vốn	-	-	-	-	-	-	475.000.000	475.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	3.144.252.845.971	105.961.744.233	3.250.214.590.204
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	628.556.420.000	-	-	-	-	(628.556.420.000)	-	-
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(628.578.799.500)	(24.307.934.325)	(652.886.733.825)
Phân bổ vào quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	215.703.435.443	-	(215.703.435.443)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(219.220.272.122)	-	(219.220.272.122)
Thù lao thành viên Ban Kiểm soát và Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	(50.000.000)	-	(50.000.000)
Biến động khác	-	-	-	-	-	(747.002.410)	594.142.203	(152.860.207)
Số dư tại ngày 31/12/2014	4.819.081.750.000	2.207.350.817.068	-	674.783.632.921	-	4.094.767.826.367	169.355.717.253	11.965.339.743.609

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 31/12/2014	4.819.081.750.000	2.207.350.817.068	-	674.783.632.921	-	4.094.767.826.367	169.355.717.253	11.965.339.743.609
<i>Phân loại lại (Thuyết minh 44)</i>	-	-	-	(674.783.632.921)	674.783.632.921	-	-	-
Số dư tại ngày 1/1/2015	4.819.081.750.000	2.207.350.817.068	-	-	674.783.632.921	4.094.767.826.367	169.355.717.253	11.965.339.743.609
- đã phân loại lại	-	-	-	-	-	-	58.500.000	58.500.000
Góp vốn	-	-	-	-	-	3.485.462.964.249	18.919.523.530	3.504.382.487.779
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Phát hành cổ phiếu từ thặng dư	-	-	-	-	-	-	-	-
Phát hành cổ phiếu thưởng cho	1.465.851.380.000	(1.465.851.380.000)	-	-	-	-	-	-
người lao động (Thuyết minh 26)	67.350.000.000	(67.350.000.000)	-	-	-	-	-	-
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	977.231.060.000	-	-	-	-	(977.231.060.000)	-	-
(Thuyết minh 27)	-	-	-	-	-	(488.625.075.000)	(52.129.190.633)	(540.754.265.633)
Thu hồi cổ phiếu thưởng cho	-	-	-	-	-	-	-	-
nhân viên làm cổ phiếu quỹ	-	-	(638.500.000)	-	-	638.500.000	-	-
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	216.652.458.918	(216.652.458.918)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng,	-	-	-	-	-	-	-	-
phúc lợi	-	-	-	-	-	(260.167.975.341)	-	(260.167.975.341)
Thù lao thành viên Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	(100.000.000)	-	(100.000.000)
Chênh lệch phát sinh từ việc mua	-	-	-	-	-	(117.247.358.223)	(113.381.430.777)	(230.628.789.000)
thêm cổ phần của công ty con	-	-	-	-	-	28.486.992.968	93.690.928	28.580.683.896
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2015	7.329.514.190.000	674.149.437.068	(638.500.000)	-	891.436.091.839	5.549.332.356.102	22.916.810.301	14.466.710.385.310



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***25. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	732.951.419	7.329.514.190.000	481.908.175	4.819.081.750.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	732.951.419	7.329.514.190.000	481.908.175	4.819.081.750.000
Cổ phiếu quỹ Cổ phiếu phổ thông	(63.850)	(638.500.000)	-	-
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	732.887.569	7.328.875.690.000	481.908.175	4.819.081.750.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động của số cổ phiếu đang lưu hành trong năm như sau:

	2015		2014	
	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND
Số dư đầu năm	481.908.175	4.819.081.750.000	419.052.533	4.190.525.330.000
Phát hành cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần	146.585.138	1.465.851.380.000	-	-
Phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động	6.735.000	67.350.000.000	-	-
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	97.723.106	977.231.060.000	62.855.642	628.556.420.000
Thu hồi cổ phiếu thưởng cho nhân viên làm cổ phiếu quỹ	(63.850)	(638.500.000)	-	-
Số dư cuối năm	732.887.569	7.328.875.690.000	481.908.175	4.819.081.750.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

26. Phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động

Trong năm, Công ty đã phát hành cổ phiếu thưởng từ thặng dư vốn cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ.2014 ngày 28 tháng 8 năm 2014 là 67.350 triệu VND theo mệnh giá, tương đương với 6.735.000 cổ phiếu. Các cổ phiếu thưởng này đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận niêm yết trên thị trường từ ngày 25 tháng 2 năm 2015. Tại ngày phát hành, số cổ phiếu này có giá trị thị trường tương đương với 325.974 triệu VND. Giá trị cổ phiếu phát hành tính theo mệnh giá không được ghi nhận là chi phí mà được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

27. Cổ tức

Ngày 13 tháng 4 năm 2015, Hội đồng Quản trị của Công ty thông qua phương án chi tiết trả cổ tức năm 2014 cho các cổ đông bằng tiền theo tỷ lệ 10% trên mệnh giá với số tiền 488.625 triệu VND và 20% bằng cổ phiếu tương đương với 977.231 triệu VND. Phương án trả cổ tức này đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt vào ngày 31 tháng 3 năm 2015 và đã được trả trong năm.

28. Quỹ đầu tư phát triển

Hàng năm, Công ty và các công ty con trích lập quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế với mức trích lập không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế và được trích cho đến khi quỹ này bằng 10% vốn cổ phần của từng công ty. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã phân loại lại số dư của Quỹ dự phòng tài chính sang Quỹ đầu tư phát triển theo Điều 70, Thông tư 200 (Thuyết minh 44).

29. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

29.1 Ngoại tệ

	31/12/2015		1/1/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	5.339.407	119.887.573.966	10.003.226	214.260.595.545

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***29.2 Cam kết hợp đồng thuê**

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Trong vòng một năm	2.416.570.374	4.958.113.156
Trong vòng hai đến năm năm	10.191.543.870	6.404.998.224
Sau năm năm	60.761.488.450	25.006.665.196
	<hr/> 73.369.602.694	<hr/> 36.369.776.576

30. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Doanh thu thuần gồm:

	2015 VND	2014 VND Đã phân loại lại
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	26.807.955.353.574	23.074.882.112.781
▪ Cung cấp dịch vụ	69.115.386.268	65.408.207.133
▪ Doanh thu từ các hợp đồng cho thuê đất khu công nghiệp ghi nhận một lần	441.848.730.354	116.567.379.216
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	15.968.996.859	2.332.487.033
▪ Doanh thu bán bất động sản	528.092.180.000	2.565.933.440.000
▪ Doanh thu khác	1.577.789.909	-
	<hr/> 27.864.558.436.964	<hr/> 25.825.123.626.163
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(389.925.788.211)	(281.303.344.443)
▪ Giảm giá hàng bán	(482.370.302)	(236.911.347)
▪ Hàng bán bị trả lại	(21.218.164.118)	(18.234.547.660)
	<hr/> (411.626.322.631)	<hr/> (299.774.803.450)
Doanh thu thuần	<hr/> 27.452.932.114.333	<hr/> 25.525.348.822.713

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Giá vốn hàng bán

	2015 VND	2014 VND
Thành phẩm đã bán	18.291.963.955.980	18.288.063.278.638
Hàng hoá đã bán	2.896.100.726.917	138.485.350.449
Dịch vụ đã cung ứng	49.154.581.687	46.292.207.968
Giá vốn của đất khu công nghiệp cho thuê đã ghi nhận doanh thu một lần	274.291.011.527	79.036.864.214
Giá vốn bất động sản đầu tư cho thuê	5.181.748.473	2.293.920.372
Giá vốn của bất động sản đã bán	285.923.459.150	1.604.733.261.945
Giá vốn khác	448.333.847	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	55.892.350.232	179.441.656.093
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	21.858.956.167.813	20.338.346.539.679

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn trích trước của hàng hóa thành phẩm bất động sản đã bán như sau:

	2015		2014	
	Thời gian chi phí dự kiến phát sinh	VND	Thời gian chi phí dự kiến phát sinh	VND
Dự án Khu công nghiệp Hòa Mạc	18 tháng	9.316.244.470	30 tháng	3.001.392.882
Dự án Mandarin	6 tháng	(7.000.000.000)	18 tháng	215.773.117.290
Dự án Khu công nghiệp Phố Nối A	30 tháng	135.425.833.659	30 tháng	7.984.485.514
		<hr/> <hr/>		<hr/> <hr/>
		137.742.078.129		226.758.995.686

32. Doanh thu hoạt động tài chính

	2015 VND	2014 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	121.207.483.294	110.130.305.664
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	121.667.462.970	49.742.769.102
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.628.405.343	239.451.691
Lãi thanh lý một công ty liên kết	-	115.222.315
Doanh thu hoạt động tài chính khác	104.290.506	60.030.555
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	248.607.642.113	160.287.779.327

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***33. Chi phí tài chính**

	2015 VND	2014 VND
Chi phí lãi vay	251.337.896.345	350.628.944.467
Chiết khấu thanh toán	14.262.620.720	13.132.259.311
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	278.414.394.260	112.552.603.047
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	18.794.903.110	82.788.853.465
Chi phí tài chính khác	3.424.083.171	4.731.570.789
	<hr/>	<hr/>
	566.233.897.606	563.834.231.079

34. Chi phí bán hàng

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nhân viên	24.130.991.497	27.024.221.528
Chi phí khấu hao	8.496.071.916	5.725.647.132
Chi phí bảo hành	1.371.444.099	6.593.879.615
Chi phí vận chuyển	189.316.735.223	108.659.358.444
Điều chỉnh lại phụ phí giao thông (Thuyết minh 17.2(*))	(21.139.062.856)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bán hàng khác	221.973.925.479	218.084.779.172
	<hr/>	<hr/>
	424.150.105.358	366.087.885.891

35. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2015 VND	2014 VND
Phân bổ lợi thế thương mại	290.990.807.284	244.886.781.601
Chi phí nhân viên	152.845.811.794	121.291.674.218
Chi phí khấu hao	41.309.794.396	18.167.075.811
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí quản lý khác	275.676.199.520	222.868.717.677
	<hr/>	<hr/>
	760.822.612.994	607.214.249.307

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***36. Thu nhập khác**

	2015 VND	2014 VND Đã phân loại lại
Lãi do thanh lý tài sản cố định	13.728.256.817	3.814.689.849
Thu nhập từ bán điện, nước và cung cấp dịch vụ	264.051.836.193	200.134.101.488
Tiền bồi thường nhận được từ các đơn vị khác	9.095.455.228	10.943.678.423
Thu nhập từ hỗ trợ của Ngân hàng Thế giới	-	16.162.580.000
Thu nhập khác	27.670.715.461	26.672.264.987
	<hr/> 314.546.263.699	<hr/> 257.727.314.747

37. Chi phí khác

	2015 VND	2014 VND Đã phân loại lại
Lỗ do thanh lý tài sản cố định	53.536.271.226	57.346.259.098
Giá vốn của điện, nước và các dịch vụ cung cấp	260.054.990.627	197.570.300.053
Chi phí bảo dưỡng	73.394.315.209	-
Chi phí khác	28.918.192.992	43.272.467.941
	<hr/> 415.903.770.054	<hr/> 298.189.027.092

38. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	16.170.135.182.988	13.922.768.267.128
Chi phí nhân công	914.533.110.388	816.687.651.607
Chi phí khấu hao	1.277.115.796.482	1.106.005.660.313
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.509.002.431.952	1.499.439.974.894
Chi phí khác	2.983.520.073.442	2.569.908.722.359
	<hr/> 32.874.206.593.252	<hr/> 29.914.705.416.101

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

39. Thuế thu nhập

39.1 Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành		
Năm hiện hành	510.366.793.096	509.079.694.809
Thuế TNDN trích thiếu năm trước	6.612.095.217	8.036.641.002
	<hr/> 516.978.888.313	<hr/> 517.116.335.811
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(31.532.711.296)	2.189.802.417
	<hr/> 485.446.177.017	<hr/> 519.306.138.228

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

39.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.989.828.664.796	3.769.520.728.432
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán		
Phân bổ lợi thế thương mại	290.990.807.284	244.886.781.601
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	10.654.278.740	175.566.755.545
Phân bổ nhanh chi phí trả trước dài hạn	80.924.421.645	117.288.588.054
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm hiện hành	(59.699.463.561)	65.023.529.722
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	73.501.739.713	34.262.453.431
Chi phí không được khấu trừ	51.469.446.581	55.219.326.127
Lỗ được chia từ các công ty liên kết	(190.801.524)	(171.255.307)
Thu nhập được miễn thuế	(159.445.280.068)	(92.012.366.858)
Giá vốn trích trước	89.203.381.592	2.591.954.098
	4.367.237.195.198	4.372.176.494.845
Lỗ năm trước chuyển sang	(9.022.860.334)	(39.156.762.217)
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.358.214.334.864	4.333.019.732.628
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính theo thuế suất của Công ty	958.807.153.670	953.264.341.178
Ưu đãi thuế của các công ty con	(328.954.577.207)	(294.115.875.285)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(170.640.038.362)	(153.782.530.478)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận trên lỗ tính thuế của các công ty con	51.154.254.995	3.713.759.394
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	(31.532.711.296)	2.189.802.417
Thuế TNDN trích thiếu năm trước	6.612.095.217	8.036.641.002
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	485.446.177.017	519.306.138.228

39.3 Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% trên lợi nhuận tính thuế cho năm 2014 và 2015 và mức thuế suất này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

Các công ty con của Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất quy định trong các quy định thuế hiện hành.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

40. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được dựa trên số lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về các cổ đông phổ thông của Công ty sau khi trừ đi số phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm, chi tiết như sau:

40.1 Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2015 (Số cổ phiếu)	2014 (Số cổ phiếu) Đã điều chỉnh lại
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	481.908.175	732.887.569
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 27)	97.723.106	-
Ảnh hưởng của việc phát hành thêm cổ phiếu trong năm từ thặng dư vốn cổ phần	146.585.138	-
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thưởng từ thặng dư vốn cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động	6.735.000	-
Ảnh hưởng của việc thu hồi cổ phiếu thưởng cho nhân viên làm cổ phiếu quỹ	(63.850)	-
	<hr/>	<hr/>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm	732.887.569	732.887.569

40.2 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2015 VND	2014 VND Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông của Công ty	3.485.462.964.249	3.144.252.845.971
Phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(175.155.099.929)	-
	<hr/>	<hr/>
	3.310.307.864.320	3.144.252.845.971
	<hr/>	<hr/>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm	732.887.569	732.887.569
	<hr/>	<hr/>
	4.517	4.290

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

40.3 Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu, phát hành thêm cổ phiếu trong năm từ thặng dư vốn cổ phần, ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thưởng từ thặng dư vốn cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động và ảnh hưởng của việc thu hồi cổ phiếu thưởng cho nhân viên làm cổ phiếu quỹ (Thuyết minh 25, 26 và 27) như sau:

	Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND
Số báo cáo trước đây	481.908.175	6.525
Điều chỉnh lại do ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm	97.723.106	(1.100)
Điều chỉnh lại do ảnh hưởng của việc phát hành thêm cổ phiếu trong năm	146.585.138	(1.095)
Điều chỉnh lại do ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thưởng từ thặng dư vốn cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động	6.735.000	(40)
Ảnh hưởng của việc thu hồi cổ phiếu thưởng cho nhân viên làm cổ phiếu quỹ	(63.850)	-
Số điều chỉnh lại	<u>732.887.569</u>	<u>4.290</u>

41. Các công cụ tài chính

41.1 Quản lý rủi ro tài chính

(a) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Tập đoàn phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tập đoàn như thế nào và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tập đoàn gặp phải.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) *Khung quản lý rủi ro*

Ban Giám đốc của Công ty và các công ty con có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Giám đốc của Công ty và các công ty con có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

41.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu và tiền gửi tại các tổ chức tài chính.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(a)	2.365.397	2.021.027
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(b)	841.132	548.127
Phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn và dài hạn khác	(c)	1.228.430	1.274.500
Phải thu về cho vay dài hạn		5.000	-
		<hr/>	<hr/>
		4.439.959	3.843.654

(a) *Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền*

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền gửi của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

(b) *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(c) Phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn và dài hạn khác**

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Ban Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các năm trước, Ban Giám đốc tin rằng, ngoài số tiền trình bày ở dưới đây, không cần thiết phải lập thêm dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày báo cáo.

Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu chưa bị tổn thất như sau:

	31/12/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND
Chưa quá hạn	1.156.897	1.045.394
Quá hạn từ 0 - 30 ngày	20.670	174.379
Quá hạn từ 31 - 180 ngày	50.286	35.519
Quá hạn trên 180 ngày	577	19.208
	1.228.430	1.274.500

Biến động trong năm của dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	40.801.876.327	14.643.202.437
Tăng dự phòng trong năm	1.367.179.636	26.656.483.570
Hoàn nhập	(892.316.344)	(497.809.680)
	41.276.739.619	40.801.876.327

41.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày lập báo cáo, các khoản nợ tài chính dài hạn có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Dòng tiền theo hợp đồng Triệu VND	Trong 1 năm Triệu VND	1 – 2 năm Triệu VND	2 – 5 năm Triệu VND	Hơn 5 năm Triệu VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2015						
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn và dài hạn khác	3.017.234	3.017.234	3.011.148	6.086	-	-
Các khoản vay	6.855.817	6.948.270	6.493.685	454.585	-	-
	9.873.051	9.965.504	9.504.833	460.671	-	-
Ngày 1 tháng 1 năm 2015						
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn và dài hạn khác	2.211.273	2.211.273	2.204.545	6.728	-	-
Các khoản vay	6.747.847	7.027.052	5.813.585	712.312	489.277	11.878
	8.959.120	9.238.325	8.018.130	719.040	489.277	11.878

Tập đoàn quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản tiền gửi có kỳ hạn và duy trì hạn mức tín dụng vay từ một số ngân hàng trong nước.

41.4 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(a) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tập đoàn có rủi ro tỷ giá từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (USD).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Tập đoàn được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái*

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2015	1/1/2015
	USD	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.339.407	10.003.226
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	581.252	664.195
Tài sản tiền tệ khác	-	8.627
Phải trả người bán ngắn hạn	(53.204.695)	(52.223.166)
Vay ngắn hạn	(3.768.294)	(200.495.055)
Vay dài hạn	-	(665.855)
	<hr/>	<hr/>
	(51.052.330)	(242.708.028)
	<hr/>	<hr/>

Sau đây là tỷ giá ngoại tệ chính được Tập đoàn áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2015	1/1/2015
USD/VND	22.547	21.673
	<hr/>	<hr/>

(b) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	1/1/2015
	Triệu VND	Triệu VND
Các công cụ tài chính chịu lãi suất cố định		
Tài sản tài chính	2.864.498	2.082.458
Nợ phải trả tài chính	(6.566.817)	(6.115.438)
	<hr/>	<hr/>
	(3.702.319)	(4.032.980)
	<hr/>	<hr/>
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Nợ phải trả tài chính	(289.000)	(632.409)
	<hr/>	<hr/>

Nếu lãi suất của các công cụ tài chính chịu lãi thả nổi thay đổi 1% một năm sẽ làm tăng hoặc giảm lợi nhuận hợp nhất trước thuế của Tập đoàn 2.890 triệu VND (2014: 6.324 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác, đặc biệt là tỷ giá hối đoái, sẽ không thay đổi.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

41.5 Giá trị hợp lý

(a) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND
Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:				
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	758.095	758.095	506.642	506.642
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	83.037	(*)	41.486	(*)
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	2.372.762	2.372.762	2.026.280	2.026.280
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn và dài hạn khác	1.228.430	1.228.430	1.274.500	1.274.500
- Phải thu về cho vay dài hạn	5.000	(*)	-	-
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	19.508	(*)	19.699	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Phải trả người bán và phải trả khác	(3.011.148)	(3.011.148)	(2.204.545)	(2.204.545)
- Chi phí phải trả dài hạn và phải trả dài hạn khác	(6.086)	(*)	(6.728)	(*)
- Các khoản vay	(6.855.817)	(6.863.252)	(6.747.847)	(6.699.359)
	(5.406.219)		(5.090.513)	

(b) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn và dài hạn khác và các khoản tài sản và nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản tài sản và nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)****Nợ phải trả tài chính phi phải sinh dài hạn***

Giá trị hợp lý của nợ phải trả tài chính phi phải sinh dài hạn, xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin, được tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày kết thúc năm kế toán.

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

42. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2015	2014
	VND	VND
Thành viên của Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị		
Lương và thưởng	6.410.642.774	6.570.442.100
Thù lao	1.432.000.000	1.602.000.000

43. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2015	2014
	VND	VND
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	977.231.060.000	628.556.420.000
Phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động	67.350.000.000	-
Phát hành cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần	1.465.851.380.000	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***44. Số liệu so sánh**

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 Tập đoàn áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 và Thông tư 202 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

44.1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	1/1/2015 (phân loại lại) VND	1/1/2015 (theo báo cáo trước đây) VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	506.641.791.271	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	506.641.791.271
Phải thu ngắn hạn khác	58.735.140.556	55.961.139.232
Tài sản thiếu chờ xử lý	688.312.164	-
Tài sản ngắn hạn khác	-	3.462.313.488
Phải thu dài hạn khác	9.225.561.499	-
Tài sản dài hạn khác	-	9.225.561.499
Đầu tư dài hạn khác	-	57.187.691.074
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15.702.128.365	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	41.485.562.709	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	152.564.898.596	204.745.212.904
Chi phí phải trả dài hạn	50.447.538.919	-
Phải trả ngắn hạn khác	104.236.479.283	134.165.173.120
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	31.661.469.226	-
Quỹ dự phòng tài chính	-	674.783.632.921
Quỹ đầu tư phát triển	674.783.632.921	-

44.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2014 (phân loại lại) VND	2014 (theo báo cáo trước đây) VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.825.123.626.163	25.851.816.458.125
Các khoản giảm trừ doanh thu	299.774.803.450	326.467.635.412
Thu nhập khác	257.727.314.747	275.600.324.411
Chi phí khác	298.189.027.092	316.062.036.756

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

44.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

	2014 (phân loại lại) VND	2014 (theo báo cáo trước đây) VND
Khấu hao và phân bổ	1.109.518.432.670	1.106.005.660.313
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	(2.118.863.441.613)	(2.199.063.441.613)
Biến động chi phí trả trước	(109.105.066.932)	(105.592.294.575)
Tiền chi mua, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	(1.165.028.194.450)	(1.084.828.194.450)

Ngày 16 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Đinh Phương Loan
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lý Thị Ngạn
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc

